

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 04/2023



MỤC LỤC

A. Các công văn hướng dẫn giải đáp thuế **3**

B. Quy định về Kế toán – kiểm toán, quản lý nhà nước **9**

- Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thành Công ty cổ phần phải công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.
- Hướng dẫn xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2023.
- Hợp đồng ký năm 2022 kéo dài qua năm 2023 thì áp dụng thuế GTGT 8% hay 10%

C. Văn bản quản lý của nhà nước **17**

- Thông tư số: 13/2023/TT-BTC ngày 28/02/2023 của Bộ tài chính
- Thông tư số: 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ tài chính
- Thông tư số: 02/2023/TT-BXD (TT02) ngày 03/03/2023 của Bộ Xây dựng
- Nghị định số: 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 của Chính phủ
- Quyết định 115/QĐ-BTC ngày 06/02/2023 của Bộ tài chính
- Quyết định số: 78/QĐ-TCT ngày 2/2/2023 của Tổng cục thuế



A. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP THUẾ



1. Công văn số: 3469/CTHN-TTHT về hướng dẫn thuế TNCN đối với quà tặng và thưởng cho nhân viên.

Ngày 01/02/2023, Cục Thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn 3469/CTHN-TTHT về hướng dẫn thuế TNCN đối với quà tặng và thưởng cho nhân viên, theo đó:

- Nếu là khoản chi trả hộ tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề phù hợp với công việc chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên thì được miễn khấu trừ thuế TNCN (điểm đ.6 khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT- BTC).

- Nếu là khoản chi trúng thưởng trong các cuộc thi và giá trị giải thưởng trên 10 (mười) triệu đồng thì phải khấu trừ thuế TNCN theo hướng dẫn tại tiết g khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

- Nếu là khoản lợi ích ngoài tiền lương, tiền công (bằng tiền hoặc không bằng tiền) thì phải khấu trừ thuế TNCN theo hướng dẫn tại tiết b khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

- Nếu là quà tặng bằng hiện vật không mang tính chất tiền lương, tiền công và không thuộc các khoản quy định tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC thì không phải khấu trừ thuế TNCN.

2. Công văn số: 4209/CTHN-TTHT về hóa đơn GTGT xuất năm 2023 cho dịch vụ hoàn thành năm 2022.

Ngày 08/02/2023, Cục Thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn 4209/CTHN-TTHT, về hóa đơn GTGT xuất năm 2023 cho dịch vụ hoàn thành năm 2022.

Theo quy định hiện hành, Công ty ký hợp đồng xây dựng, lắp đặt thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Trường hợp Công ty lập hóa đơn GTGT sau ngày 31/12/2022 thì không được áp dụng chính sách giảm thuế GTGT theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 15/2022/NĐCP ngày 28/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp Công ty lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật thì áp dụng xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

3. Công văn số: 6097/CTHN-TTHT về quyết toán thuế TNCN

Ngày 16/02/2023, Cục thuế TP Hà Nội ban hành công văn số 6097/CTHN -TTHT về quyết toán thuế TNCN, theo đó:

Trường hợp Công ty chi trả các khoản thu nhập từ tiền lương tiền công cho người lao động tại các chi nhánh khác tỉnh, thành phố thuộc trường hợp phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 19 Thông tư 80 /2021/TT -BTC và đã nộp số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công vào ngân sách nhà nước cho từng tỉnh nơi người lao động làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư 80 /2021/TT - BTC thì số thuế thu nhập cá nhân xác định cho từng tỉnh theo tháng hoặc quý tương ứng với kỳ khai thuế thu nhập cá nhân và không xác định lại khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Thông tư 80 /2021/TT -BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp cá nhân tự thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế nếu đã tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức trả thu nhập đó theo quy định tại điểm b 2 khoản 8 Điều 11 Nghị định 126 /2020/NĐ - CP ngày 19 /10 /2020 của Chính phủ. Trường hợp người lao động nước ngoài có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ Công ty thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

trước khi chi trả thu nhập cho người lao động theo hướng dẫn tại Điều 25 Thông tư 111 /2013/TT -BTC của Bộ Tài chính. Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trả từ nước ngoài thì cá nhân nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế quản lý nơi cá nhân phát sinh công việc tại Việt Nam. Trường hợp nơi phát sinh công việc của cá nhân không ở tại Việt Nam thì cá nhân nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú theo quy định tại điểm a.2 khoản 8 Điều 11 Nghị định 126 /2021/NĐ -CP của Chính phủ.

4. Công văn số: 8203/CTHN-TTHT về chính sách thuế nhà thầu nước ngoài.

Ngày 28/12/2023 , Cục Thuế TP Hà Nội ban hành công văn 8203/CTHN -TTHT về chính sách thuế nhà thầu nước ngoài.

Trường hợp Công ty mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp ở nước ngoài mà nhà cung cấp ở nước ngoài đã thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 76 , Điều 77 , Điều 78 , Điều 79 Thông tư số 80 /2021/TT -BTC thì Công ty không phải có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài số thuế phải nộp theo quy định tại Thông tư số 103 /2014/TT - BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính .

5. Công văn số: 7973/CT-TTHT về khoản thu hộ, chi hộ nhân viên có được tính vào chi phí được trừ.

Ngày 27/02/2023, Cục thuế TP Hà Nội ban hành công văn số 7973/CT -TTHT về khoản thu hộ, chi hộ nhân viên có được tính vào chi phí được trừ, theo đó:

Trường hợp Công ty phát sinh khoản thu hộ, chi hộ cho người thân của nhân viên, không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thì không được tính vào chi phí được trừ khi xác định doanh thu tính thuế TNDN của Công ty .

6. Công văn số: 575/TCT – QLNDN đang bị cưỡng chế nếu cần điều chỉnh hóa đơn vẫn phải mua lẻ.

Công văn số 575/TCT-QLN ngày 28/2/2023 của Tổng cục Thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử, theo đó:

Trường hợp DN lựa chọn lập HĐĐT điều chỉnh hay HĐĐT thay thế cho hóa đơn có sai sót theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP thì đều phải lập hóa đơn mới.

Đối với DN đang bị cưỡng chế hóa đơn, nếu cần lập hóa đơn để thay thế hoặc điều chỉnh cho hóa đơn bị sai sót thì được cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 34 Nghị định 126/2020/NĐ-CP với điều kiện phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn được cấp.

7. Công văn số: 3871/CTHN-TTHT về chính sách thuế theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Ngày 06/02/2023, Cục Thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn 3871/CTHN-TTHT, về chính sách thuế theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt thì thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt thuộc đối tượng áp dụng giảm thuế GTGT theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ nhưng lập hóa đơn sau ngày 31/12/2022 thì không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8% theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Trường hợp Công ty lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật thì cơ quan thuế áp dụng xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

8. Công văn số: 586/TCT-TTKT về các nhóm doanh nghiệp sẽ thanh tra thuế và kiểm tra hóa đơn trong năm 2023.

Công văn số 586/TCT-TTKT ngày 01/03/2023 của Tổng cục Thuế thông báo, trong năm 2023, sẽ tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế đối với các nhóm doanh nghiệp sau:

(i) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số.

(ii) Doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết, tập trung vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thua lỗ hoặc có kết quả kinh doanh thấp so với các doanh nghiệp cùng ngành; các doanh nghiệp có giao dịch liên kết chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị giao dịch, được hưởng ưu đãi về thuế; các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh với chức năng đơn giản như sản xuất theo hợp đồng, gia công, lắp ráp trong các ngành sản xuất linh kiện điện tử, dệt may, da giày,... nhưng mức lợi nhuận thấp; doanh nghiệp có phát sinh các chi phí cung cấp dịch vụ nội bộ, bản quyền... với giá trị lớn từ các bên liên kết.

(iii) Doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động kinh doanh BĐS, chú trọng các doanh nghiệp BĐS đã mở bán nhưng không công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; các dự án BĐS phục vụ tiêu dùng như nhà ở xã hội, văn phòng cho thuê, BĐS phục vụ sản xuất, công nghiệp; các doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng dự án BĐS.

9. Công văn số: 406/TCT – DNNCN quy định 100% siêu thị, nhà hàng, khách sạn tại HN và HCM phải lập hóa đơn điện tử từ máy tính tiền trong năm 2023.

Công văn số 406/TCT-DNNCN ngày 13/2/2023 của Tổng cục Thuế về việc đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền, theo đó: Công văn yêu cầu Cục thuế các tỉnh đẩy mạnh hỗ trợ, đôn đốc để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh triển khai sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền ngay trong giai đoạn 1.

Đảm bảo đến hết tháng 2/2023 đạt tối thiểu 70% số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và phần đầu đến hết tháng 3/2023 triển khai đối với 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký.

Riêng tại TP. Hà Nội, TP. HCM và TP. Hải Phòng, phần đầu đạt mục tiêu 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vàng bạc thực hiện HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền trong năm 2023.

Các lĩnh vực phải triển khai áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền là các lĩnh vực bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng, gồm các nhóm như sau: Kinh doanh ăn uống, nhà hàng, khách sạn (nhóm 1); Bán lẻ hàng hóa như trung tâm thương mại, siêu thị, bán lẻ hàng tiêu dùng (nhóm 2); Bán lẻ thuốc tân dược (nhóm 3); Dịch vụ khác như dịch vụ vui chơi giải trí, vé cầu đường, vé xe buýt, vé tham quan, du lịch... (nhóm 4).

10. Công văn số: 8204/CTHN-TTHT về nhận lương từ nước ngoài phải tự khai thuế TNCN.

Công văn số 8204/CTHN -TTHT ngày 28 / 2 /2023 của Cục Thuế TP . Hà Nội về chính sách thuế TNCN cho người nước ngoài , theo đó:

Lao động nước ngoài nếu không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 111 /2013/TT -BTC thì được xác định là cá nhân không cư trú và phải nộp thuế với thuế suất 20 % trên thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận.

Cần lưu ý, nếu thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng được trả từ nước ngoài thì người nước ngoài phải trực tiếp kê khai nộp thuế theo quy định tại tiết a . 2 điểm a khoản 3 Điều 19 Thông tư 80 /2021/TT -BTC.

Căn cứ tính thuế, kỳ khai thuế TNCN đối với người nước ngoài không cư trú thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 18 Thông tư 111 /2013/TT -BTC và Điều 8 Nghị định 126 /2020/NĐ -CP .

11. Công văn số: 9579/CTHN-TTHT thuế TNDN tạm nộp 4 quý đảm bảo không ít hơn 80% quyết toán

Công văn số 9579/CTHN -TTHT ngày 7 / 3 /2023 của Cục Thuế TP . Hà Nội về việc khai, nộp thuế đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh , theo đó :

Cục thuế TP . Hà Nội lưu ý, theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định 126 /2020/NĐ -CP (sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 91 /2022/NĐ -CP) , doanh nghiệp được tự xác định số thuế TNDN tạm nộp quý và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán năm.

Tuy nhiên, tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80 % số thuế phải nộp theo quyết toán năm. Nếu doanh nghiệp tạm nộp ít hơn 80 % thì phải chịu tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế quý 04 đến ngày liền kề trước ngày thực nộp số thuế còn thiếu.

Về doanh thu kê khai thuế TNDN đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh được xác định theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 78 /2014/TT -BTC .



B. QUY ĐỊNH VỀ KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN; QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- 10 Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thành Công ty cổ phần phải công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.
- 11 Hướng dẫn xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2023.
- 15 Hợp đồng ký năm 2022 kéo dài qua năm 2023 thì áp dụng thuế GTGT 8% hay 10%

I. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thành Công ty cổ phần phải công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Ngày 22/12/2022, Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 76/2022/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 06/02/2023 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 111/2020/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải thực hiện công bố công khai thông tin về quá trình chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 150/2020/NĐ-CP và các nội dung hướng dẫn cụ thể sau:

1. Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền về: Xử lý tài chính, lao động, đất đai liên quan đến quá trình chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Nghị định số 150/2020/NĐ-CP, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi phải thực hiện công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, đồng thời gửi về Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp để theo dõi;
2. Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 của tháng liền kề sau quý báo cáo), đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi có trách nhiệm báo cáo về tình hình, tiến độ triển khai công tác chuyển đổi thành công ty cổ phần theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, đồng thời gửi về Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp để theo dõi.

Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi gửi nội dung công bố công khai theo một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp; gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi qua hệ thống Chính phủ điện tử (trường hợp đơn vị đã được kết nối với hệ thống Chính phủ điện tử).

II. Hướng dẫn xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2023

1. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là gì?

Theo Điều 6 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2008 (sửa đổi 2014, 2016), giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng.

2. Xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2023

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa dịch vụ được xác định theo quy định tại Điều 4 Nghị định 108/2015/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 100/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(1) Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra.

Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định Luật quản lý thuế 2019.

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:

Giá tính thuế TTDB = Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng – Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)/(1+ Thuế suất thuế TTDB)

Trong đó, giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

(i) Trường hợp cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán hàng qua các cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc thì giá làm căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ sở hạch toán phụ thuộc bán ra.

Cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu quy định và chỉ hưởng hoa hồng thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu quy định chưa trừ hoa hồng.

(ii) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán cho các cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại mua trực tiếp của cơ sở sản xuất, nhập khẩu bán ra.

II. Hướng dẫn xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2023

Trường hợp cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu thành lập nhiều cơ sở thương mại trung gian có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ hoặc có mối quan hệ liên kết thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của các cơ sở thương mại này bán cho cơ sở kinh doanh thương mại không có quan hệ công ty mẹ, công ty con, hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ, hoặc có mối quan hệ liên kết với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu.

Riêng mặt hàng xe ô tô giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại để so sánh là giá bán xe ô tô chưa bao gồm các lựa chọn về trang thiết bị, phụ tùng mà cơ sở kinh doanh thương mại lắp đặt thêm theo yêu cầu của khách hàng.

Cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu và cơ sở kinh doanh thương mại có mối quan hệ liên kết theo quy định tại điểm này khi: Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia.

Trường hợp giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại bán ra thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ quan thuế ấn định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

(2) Đối với hàng nhập khẩu tại khâu nhập khẩu, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt = Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu.

Giá tính thuế nhập khẩu được xác định theo các quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm.

(3) Đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, giá tính thuế không loại trừ giá trị vỏ bao bì, vỏ chai.

Đối với mặt hàng bia chai nếu có đặt tiền cược vỏ chai, định kỳ hàng quý cơ sở sản xuất và khách hàng thực hiện quyết toán số tiền đặt cược vỏ chai mà số tiền đặt cược tương ứng với giá trị số vỏ chai không thu hồi được phải đưa vào doanh thu tính thuế tiêu thụ đặc biệt.

(4) Đối với hàng hóa gia công thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán hàng hóa của cơ sở gia công bán ra hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán.

II. Hướng dẫn xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2023

Trường hợp cơ sở giao gia công bán hàng cho cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế được xác định theo quy định tại (ii) mục (1).

(5) Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất.

Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp các cơ sở này bán hàng cho cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế được xác định theo quy định tại (ii) mục (1).

(6) Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán của hàng hóa bán theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

(7) Đối với dịch vụ, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá cung ứng dịch vụ của cơ sở kinh doanh dịch vụ bán ra.

– Đối với kinh doanh gôn là doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn.

Trường hợp cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như: Khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

– Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu từ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng trừ (-) đi số tiền trả thưởng cho khách hàng;

– Đối với kinh doanh đặt cược giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu bán vé đặt cược đã trừ tiền trả thưởng;

II. Hướng dẫn xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2023

- Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm;
- Đối với kinh doanh xổ số giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

(8) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại các hàng hóa, dịch vụ này.

(9) Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm tính ngoài giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ (nếu có) mà cơ sở sản xuất, kinh doanh được hưởng.

Riêng đối với mặt hàng thuốc lá giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt bao gồm cả khoản đóng góp bắt buộc và kinh phí hỗ trợ quy định tại Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá 2012.

Thời điểm phát sinh doanh thu đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền; đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

III. Hợp đồng ký năm 2022 kéo dài qua năm 2023 thì áp dụng thuế GTGT 8% hay 10%)

1. Chính sách thuế GTGT 8% trong năm 2022

Chính phủ ban hành Nghị định 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15.

Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất.
- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin.
- Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Về mức giảm thuế giá trị gia tăng:

- Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ.
- Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng.

Như vậy, trong năm 2022, một số nhóm hàng hóa, dịch vụ được áp dụng thuế GTGT 8%.

III. Hợp đồng ký năm 2022 kéo dài qua năm 2023 thì áp dụng thuế GTGT 8% hay 10%

2. Năm 2023 có được giảm thuế GTGT 8% hay không?

Theo Điều 3 Nghị định 15/2022/NĐ-CP, chính sách giảm thuế GTGT 8% chỉ được áp dụng đến hết ngày 31/12/2022.

3. Hợp đồng ký năm 2022 kéo dài qua năm 2023 thì áp dụng thuế GTGT 8% hay 10%?

* Đối với hợp đồng mua bán hàng hóa:

Khoản 1 Điều 8 Thông tư 219/2013/TT-BTC, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đồng thời, theo khoản 1 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP, thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán tài sản nhà nước, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Như vậy, nếu thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua trong năm 2022 thì áp dụng thuế GTGT 8%, nếu thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua trong năm 2023 thì áp dụng thuế GTGT 10%.

* Đối với hợp đồng cung ứng dịch vụ:

Khoản 2 Điều 8 Thông tư 219/2013/TT-BTC, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đồng thời, theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP, thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).

Như vậy, nếu hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thu tiền trong năm 2022 thì áp dụng thuế GTGT 8%, nếu hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thu tiền trong năm 2023 thì áp dụng thuế GTGT 10%.

A background image featuring a vibrant pink lotus flower in full bloom on the left, with its petals showing a gradient from light pink to deeper pink. Below it is a smaller, partially open pink lotus flower. To the right of the flowers are several large, green lotus leaves with prominent veins and wavy edges. In the background, there are two small, unopened lotus buds. The entire scene is set against a clear blue sky with a few wispy white clouds.

C. VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- 18 Thông tư số: 13/2023/TT-BTC ngày 28/02/2023 của Bộ tài chính
- 19 Thông tư số: 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ tài chính
- 20 Thông tư số: 02/2023/TT-BXD (TT02) ngày 03/03/2023 của Bộ Xây dựng
- 22 Nghị định số: 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 của Chính phủ
- 23 Quyết định 115/QĐ-BTC ngày 06/02/2023 của Bộ tài chính
- 24 Quyết định số: 78/QĐ-TCT ngày 2/2/2023 của Tổng cục thuế

1. Thông tư số: 13/2023/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 49/2022/NĐ-CP và sửa đổi Thông tư 80/2021/TT-BTC liên quan tới Thuế GTGT.

Ngày 28/02/2023 Bộ tài chính ban hành thông tư số 13/2023/TTBTC hướng dẫn thi hành Nghị định 49/2022/NĐ-CP và sửa đổi Thông tư 80/2021/TT-BTC liên quan tới thuế GTGT.

Theo đó, giá tính thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, sản xuất điện của Tập đoàn điện lực Việt Nam được sửa đổi áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022.

Các quy định tại khoản 2, 3 Điều 18 Thông tư 219/2013/TT-BTC bị thay thế và quy định mới thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT với dự án đầu tư theo khoản 3 Điều 1 Nghị định 49/2022/NĐ-CP.

Ngoài ra, Hồ sơ hoàn thuế GTGT theo Thông tư 80/2021/TT-BTC cũng được đề cập sửa đổi như sau: Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cấp phép theo khoản 3 Điều 1 Nghị định 49/2022/NĐ-CP: Nộp bản sao một trong các hình thức Giấy phép hoặc Giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận về kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

2. Thông tư số 16/2023/TT-BTC sửa đổi quy chế quản lý và chuyển nhượng vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp.

Ngày 17/03/2023 Bộ tài chính ban hành Thông tư số 16/2023/TTBTC sửa đổi quy chế quản lý và chuyển nhượng vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp, trong đó: Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, phụ lục của Thông tư số 36/2021/TT-BTC về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cụ thể:

- Bỏ quy định phải rà soát, xây dựng phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp được phê duyệt vốn điều lệ từ năm 2020 trở về trước (tại điểm b khoản 1 Điều 2).
- Sửa đổi căn cứ xem xét, quyết định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 3).
- Bổ sung quy định về phân phối lợi nhuận đối với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp nhà nước (nêu tại Điều 7a).
- Sửa đổi quy định về chế độ báo cáo định kỳ (Báo cáo tài chính, Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán) của doanh nghiệp có vốn góp nhà nước (nêu tại Điều 9).
- Sửa đổi Quy chế mẫu về chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (nêu tại Phụ lục số 01).
- Thay thế Mẫu Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng (nêu tại Phụ lục số 03). Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 8/5/2023.

3. Thông tư số 02/2023/TT-BXD (TT 02) ngày 03/03/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một nội dung về hợp đồng xây dựng

1. 03 mẫu hợp đồng xây dựng (HĐXD) áp dụng từ ngày 20/04/2023 Mẫu hợp đồng xây dựng công bố kèm theo TT 02 bao gồm: (1) Mẫu hợp đồng tư vấn xây dựng tại Phụ lục II; (2) Mẫu hợp đồng thi công xây dựng tại Phụ lục III; (3) Mẫu hợp đồng EPC tại Phụ lục IV.

2. Hướng dẫn sử dụng mẫu HĐXD từ ngày 20/04/2023 Tại Điều 7 TT 02 quy định về việc hướng dẫn sử dụng, vận dụng mẫu HĐXD như sau:

- Mẫu HĐXD công bố kèm theo Thông tư để các tổ chức, cá nhân tham khảo, vận dụng trong việc xác lập, quản lý thực hiện hợp đồng cho các gói thầu xây dựng, đảm bảo nội dung HĐXD theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Xây dựng 2014.

- Mẫu HĐXD công bố kèm theo TT 02 là mẫu hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Trường hợp bên giao thầu là tổng thầu, nhà thầu chính, các bên nghiên cứu vận dụng các nội dung cần thiết của mẫu hợp đồng này để xác lập, quản lý thực hiện hợp đồng.

- Mẫu HĐXD công bố kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BXD bao gồm:

- + Mẫu hợp đồng tư vấn xây dựng (1) sử dụng cho loại hợp đồng tư vấn thực hiện công việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình.

- + Mẫu hợp đồng thi công xây dựng (2).

- + Mẫu hợp đồng EPC (3) sử dụng cho loại hợp đồng trọn gói.

Trường hợp áp dụng các hình thức giá hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh hoặc hợp đồng theo giá kết hợp, thì các bên căn cứ vào các quy định của pháp luật và TTT 02 để sửa đổi, bổ sung điều khoản của mẫu hợp đồng EPC để xác lập hợp đồng.

- Đối với hợp đồng đơn giản quy mô nhỏ, các loại hợp đồng tư vấn đầu tư xây dựng và hợp đồng hỗn hợp khác, các bên tham khảo, vận dụng các mẫu HĐXD công bố kèm theo TT 02 để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các điều khoản của mẫu hợp đồng để xác lập hợp đồng.
- Khi sử dụng mẫu HĐXD công bố kèm theo TT 02 để thỏa thuận, ký kết HĐXD thì các bên căn cứ vào yêu cầu, điều kiện cụ thể của gói thầu, dự án, các quy định của Nghị định 37/2015/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 50/2021/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này để thực hiện. Trong nội dung hợp đồng phải thỏa thuận cụ thể các nội dung sau:
 - + Quy định cụ thể về thời hạn thanh toán, thời gian bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời hạn trả lời văn bản, thời gian chấm dứt hợp đồng và các trường hợp tương tự.
 - + Trường hợp nhà thầu là nhà thầu liên danh, phải thỏa thuận việc bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định pháp luật.
 - + Quy định cụ thể loại đồng tiền và hình thức thanh toán trong hợp đồng không trái với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu và quy định của pháp luật về ngoại hối.
 - + Trường hợp hợp đồng theo hình thức đơn giá điều chỉnh thì phải thỏa thuận phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng, nguồn dữ liệu về giá và cơ sở giá để điều chỉnh hợp đồng không trái với hồ sơ mời thầu và pháp luật HĐXD.
 - + Tùy theo tính chất và điều kiện của gói thầu để điều chỉnh, bổ sung các nội dung hợp đồng cho phù hợp

4. Nghị định số: 08/2023/NĐ-CP cho phép ân hạn và thanh toán trái phiếu doanh nghiệp bằng tài sản khác.

Ngày 05/03/2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2023/NĐCP về việc sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, theo đó:

Nghị định này sửa đổi khoản 3 Điều 34 Nghị định 153/2020/NĐCP nhằm cho phép doanh nghiệp phát hành trái phiếu thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu (phát hành trong nước) được thanh toán nợ gốc, lãi bằng tài sản khác trong trường hợp không có đủ tiền thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn. Tuy nhiên, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu.

Ngoài ra, Nghị định này còn sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định 65/2022/NĐ-CP để cho phép doanh nghiệp phát hành được thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu kéo dài kỳ hạn của trái phiếu đã phát hành trước khi Nghị định 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực. Tuy nhiên, kỳ hạn kéo dài tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố.

Các quy định sau đây tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP bị ngưng hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023:

- Quy định về xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân nêu tại điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định 153/2020/NĐ-CP (sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP).
- Quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành nêu tại khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP.
- Quy định về kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu nêu tại điểm e khoản 2 Điều 12 Nghị định 153/2020/NĐ-CP (sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP)

5. Quyết định 115/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực thuế.

Ngày 06 /02 /2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định 115/QĐ -BTC về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. Theo đó, Bộ Tài chính sửa đổi thủ tục gia hạn nộp thuế tại các văn bản:

- Nghị định 32/2022/NĐ -CP về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước ;
- Nghị định 34/2022/NĐ -CP về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022 ;
- Thông tư 80 2021/TT -BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Trình tự, thủ tục gia hạn nộp thuế thực hiện qua các bước sau:

- Bước 1: Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoán thu.
- Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:
 - + Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, gửi qua đường bưu chính công chức thuế tiếp nhận và giải quyết hồ sơ và trả kết quả theo quy định.
 - + Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. 03 cách thức nộp hồ sơ gia hạn nộp thuế:
 - Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;
 - Gửi qua hệ thống bưu chính ;
 - Gửi hồ sơ điện tử đến cơ quan thuế qua giao dịch điện tử (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T -VAN).

Quyết định 115/QĐ -BTC có hiệu lực từ ngày 06/02/2023 và thay thế Quyết định 1710/QĐ -BTC năm 2022 .

6. Quyết định số 78/QĐ-TCT về tiêu chí nhận diện doanh nghiệp có rủi ro về hóa đơn.

Quyết định số 78/QĐ-TCT ngày 2/2/2023 của Tổng cục Thuế về việc ban hành Bộ chỉ số tiêu chí đánh giá, xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn, theo đó: Quyết định này ban hành Bộ chỉ số tiêu chí đánh giá dấu hiệu rủi ro về hóa đơn và nguyên tắc quản lý doanh nghiệp dựa theo kết quả đánh giá dấu hiệu rủi ro về hóa đơn.

Theo đó, Bộ chỉ số tiêu chí đánh giá dấu hiệu rủi ro về hóa đơn được chia thành 03 nhóm như sau:

- Nhóm I. Gồm các chỉ số tiêu chí rủi ro xác định doanh nghiệp phải chuyển từ sử dụng HĐĐT không có mã sang sử dụng HĐĐT có mã.
- Nhóm II. Gồm các chỉ số tiêu chí rủi ro xác định doanh nghiệp phải đưa vào diện rà soát, kiểm tra việc quản lý và sử dụng hóa đơn.
- Nhóm III. Gồm các chỉ số tiêu chí tham khảo để lựa chọn doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro phải đưa vào diện rà soát, kiểm tra việc quản lý và sử dụng hóa đơn

Bản tin này bao gồm thông tin dưới dạng tóm tắt, do đó chỉ mang tính hướng dẫn chung. Bản tin này không nhằm thay thế cho nghiên cứu chi tiết hay đưa ra đánh giá, kết luận về mặt chuyên môn. Chúng tôi khuyến cáo độc giả hãy liên hệ với công ty để tham khảo ý kiến của các chuyên gia chuyên trách và không thừa nhận bất kỳ trách nhiệm nào với các thiệt hại xảy ra với bất kỳ cá nhân nào hành động hoặc có ý định hành động theo thông tin trong bản tin này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Anh Safomec, 7/1 Thành Thái, P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269

VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-C37 Bắc Hà, đường Tố Hữu, Q.Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

